

CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH ĐÀK LĂK
HẠT KIỂM LÂM
 KHU VỰC ĐỒNG XUÂN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ GỖ

(Kèm theo Thông báo số: 251/TB-HKL ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Hạt Kiểm lâm khu vực Đồng Xuân)

Stt	Tên tài sản	Nhóm	Đvt	Quy cách hoặc đặc điểm tài sản	Khối lượng	Gỗ tròn		Gỗ xẻ		Tổng cộng	Ghi chú	
						Số lượng	Khối lượng (m3)	Số lượng	Khối lượng (m3)			
1	Gỗ Chò xót	V	m3	Dài>2m, Rộng<25cm				8	0,235	0,235	Số 01/QĐ-TT ngày 05/01/2025	
2	Gỗ Chò xót	V	m3	Dài>2m, Rộng<25cm				13	0,811	0,811	Số 04/QĐ-TT ngày 26/3/2025	
3	Gỗ kê	V	m3	Dài>2m, Rộng<25cm				6	0,096	0,096	Số 02/QĐ-TT ngày 13/5/2025	
	Gỗ trám tía	V	m3	Dài>2m, Rộng<25cm				2	0,104	0,104		
4	Gỗ Chò xót	V	m3	Dài<2m, 40cm<Rộng<70cm				1	0,091	0,091	Số 03/QĐ-TT ngày 22/5/2025	
				Dài>2m, Rộng<25cm				9	0,452	0,452		
5	Gỗ Bàng lang tía	III	m3	Dài<2m, 25cm=<ĐK<50cm			5	0,697		0,697	Số 01/QĐ-TT ngày 25/7/2025	
				Dài>2m, 25cm=<ĐK<50cm				3	0,469			0,469
				Dài<2m, Rộng<25cm					13	0,088		

Stt	Tên tài sản	Nhóm	Đvt	Quy cách hoặc đặc điểm tài sản	Khối lượng	Gỗ tròn		Gỗ xẻ		Tổng cộng	Ghi chú	
						Số lượng	Khối lượng (m3)	Số lượng	Khối lượng (m3)			
6	Gỗ keo	Thông thường	m3	Dài>2m, Rộng<25cm				6	0,268	0,268	Số 02/QĐ-TT ngày 25/7/2025	
7	Giẻ thơm			Dài>2m, Rộng<25cm				1	0,561	0,561	Số 03/QĐ-TT ngày 5/8/2025	
	Gỗ Chò ổi	V-VI	m3	Dài>2m, Rộng<25cm				12	0,223	0,223		
				Dài>=2m, 25cm<Rộng<40cm				7	0,525	0,525		
8	Gỗ trám tía	V	m3	Dài>3m; 32cm<Rộng<45cm				3	1,316	1,316	Số 01/QĐ-TT ngày 16/01/2026	
9	Gỗ Chò chai, giẻ đỏ	III-V	m3	Dài>2m; 08cm=<Rộng<20cm				20	0,451	0,451	Số 02/QĐ-TT ngày 06/02/2026	
Tổng cộng:								8	1,166	101	5,221	6,387